

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
đã được soát xét

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	5 – 35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0800376530 ngày 17 tháng 4 năm 2017 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là sản xuất tro bay, gạch nhẹ và các chế phẩm.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Kiều Văn Mát	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Quyền	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Ánh Hồng	Ủy viên
Ông Kiều Quang Vọng	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Thư	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoan	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau :

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

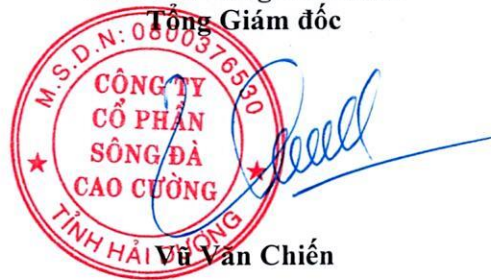
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2023

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Chiến

Số : *1111*./2023/BCSX/AASCN.PB

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường đã được soát xét/ kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận/ ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này tại các ngày 10 tháng 08 năm 2022 và ngày 21 tháng 04 năm 2023.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**



Phó Giám đốc



Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2021-152-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		201.801.239.402	164.700.053.139
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	21.409.126.308	52.907.470.412
1.	Tiền	111		21.409.126.308	17.907.470.412
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	35.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.542.821.118	57.824.053.179
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	61.357.845.715	30.728.904.558
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	69.557.263.701	13.719.409.420
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	18.867.830.290	19.432.095.566
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(5.240.118.588)	(6.056.356.365)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	23.031.561.311	26.966.342.983
1.	Hàng tồn kho	141		23.031.561.311	26.966.342.983
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		12.817.730.665	27.002.186.565
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	3.246.074.616	3.684.126.461
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.543.185.023	23.318.060.104
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	28.471.026	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		183.863.866.228	176.568.392.180
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	7.683.831.030
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	7.683.831.030
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		124.900.667.458	125.882.429.711
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	115.213.163.554	116.022.702.467
	- Nguyên giá	222		239.551.489.593	234.476.503.908
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(124.338.326.039)	(118.453.801.441)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	9.687.503.904	9.859.727.244
	- Nguyên giá	228		15.650.050.399	15.650.050.399
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.962.546.495)	(5.790.323.155)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	34.831.410.517	19.740.887.268
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		34.831.410.517	19.740.887.268
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	21.390.982.359	21.124.399.419
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.200.000.000	1.200.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.992.050.000	21.991.900.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.801.067.641)	(2.067.500.581)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		2.740.805.894	2.136.844.752
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2.740.805.894	2.136.844.752
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		385.665.105.630	341.268.445.319

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		161.150.431.813	132.379.403.348
I.	Nợ ngắn hạn	310		146.337.735.470	132.379.403.348
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	39.326.994.495	45.667.395.468
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		273.360.934	121.608.296
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.959.507.762	2.705.229.703
4.	Phải trả người lao động	314		2.862.987.928	2.164.119.512
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	83.756.792	82.394.920
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	19.159.128.116	19.091.106.868
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	74.010.345.728	57.099.771.266
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.661.653.715	5.447.777.315
II.	Nợ dài hạn	330		14.812.696.343	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	14.812.696.343	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224.514.673.817	208.889.041.971
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	224.514.673.817	208.889.041.971
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.788.880.000	172.788.880.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.788.880.000	172.788.880.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		4.804.928.341	4.804.928.341
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		13.707.168.560	12.908.781.960
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.213.696.916	18.386.451.670
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		14.394.518.670	2.418.719.444
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		18.819.178.246	15.967.732.226
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		385.665.105.630	341.268.445.319

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng

Trần Văn Hoan

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	214.374.756.036	155.269.161.951
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		214.374.756.036	155.269.161.951
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	133.487.253.588	76.006.824.676
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.887.502.448	79.262.337.275
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	464.335.933	528.511.586
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	2.653.622.999	1.539.203.990
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.487.165.230</i>	<i>1.441.303.415</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	49.000.169.854	64.838.304.682
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	6.220.838.577	5.382.350.361
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.477.206.951	8.030.989.828
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	981.481.799	1.397.341.680
12.	Chi phí khác	32	VI.06	712.601.745	43.506.768
13.	Lợi nhuận khác	40		268.880.054	1.353.834.912
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.746.087.005	9.384.824.740
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	4.926.908.759	1.118.237.677
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		18.819.178.246	8.266.587.063
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.089	509
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.089	509

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Ngọc Hồi

Trần Văn Hoan

Mưu Văn Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		23.746.087.005	9.384.824.740
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		6.056.747.938	7.136.435.493
-	Các khoản dự phòng	03		(1.082.670.717)	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(20.369.906)	(53.229.900)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(201.099.412)	34.994.098
-	Chi phí lãi vay	06		2.487.165.230	1.441.303.415
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		30.985.860.138	17.944.327.846
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(64.472.295.077)	(7.740.844.966)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.934.781.672	(8.197.099.121)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		57.164.206.295	6.638.238.953
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(165.909.297)	(1.244.244.123)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(1.434.562.491)
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(2.290.757.156)	(560.400.159)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.660.385.231)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(979.512.600)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		22.495.501.344	4.425.903.339
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(85.937.487.571)	(5.940.939.868)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(150.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		201.099.412	59.492.235
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(85.736.538.159)	(5.881.447.633)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		187.592.272.106	122.311.790.495
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(155.869.001.301)	(125.940.851.832)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(948.000)	(859.552.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		31.722.322.805	(4.488.613.337)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(31.518.714.010)	(5.944.157.631)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		52.907.470.412	14.657.994.999
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20.369.906	296.441.677
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		21.409.126.308	9.010.279.045

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đỗ Thị Ngọc Hồi

Trần Văn Hoan

Vũ Văn Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là sản xuất tro bay, gạch nhẹ và các chế phẩm.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, số nhân viên của Công ty là 359 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 212 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 25 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 07 năm
- TSCĐ vô hình khác	04 – 08 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc thông báo chia cổ tức cho các cổ đông đã được phê duyệt.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp và hoàn thành trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn và các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ trong kỳ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Công ty được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận khoa học và công nghệ số 01/2014/DNKC ngày 15/8/2014 (cho các sản phẩm Tro bay ẩm, Tro bay khô, Than qua tuyền). Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo; được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khai bắt đầu đi vào hoạt động. Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	21.409.126.308	17.907.470.412
+ Tiền mặt	1.134.629.246	10.784.038.000
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.274.497.062	7.123.432.412
- Các khoản tương đương tiền	-	35.000.000.000
Cộng	21.409.126.308	52.907.470.412

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm				
	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.200.000.000	-		1.200.000.000	-		
+ Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân ^(a)	40,00%	1.200.000.000	-		40,00%	1.200.000.000	-	
- Đầu tư vào đơn vị khác		21.992.050.000	(1.801.067.641)		21.991.900.000	(2.067.500.581)		
+ Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ	16,38%	21.191.600.000	(1.801.067.641)		16,38%	21.191.600.000	(2.067.500.581)	
+ Quỹ tín dụng Phả Lại		800.450.000	-		800.300.000	-		
Cộng		23.192.050.000	(1.801.067.641)		23.191.900.000	(2.067.500.581)		

^(a) Theo Nghị quyết 329/NQ-HĐQT ngày 7/11/2020 của Hội đồng quản trị Công ty góp 1.200.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân. Tại thời điểm 30/06/2023, vốn góp của Công ty là 1.200.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ sở hữu 40%. Tính đến thời điểm 30/06/2023, Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân đang trong giai đoạn đầu tư.

^(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	61.357.845.715	30.728.904.558
- Công ty TNHH Trọng Phóng	11.408.433.856	5.055.582.323
- Cmc/ltd/Songda Joint Venture	377.622.000	377.622.000
- Công ty Cổ phần Sci E&C	7.199.069.600	10.609.220.190
- Philecement Corporation	-	2.398.968.000
- Công ty Cổ phần Vạn Thiên An	1.466.798.770	645.200.242
- Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Xây dựng Vincons	20.880.638.350	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	20.025.283.139	11.642.311.803
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	7.683.831.030
- Công ty Cổ phần Thạch cao GYPRO Việt Nam	-	929.500.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Kim Nguyên	-	816.237.777
- Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	4.650.000.000
- Phải thu dài hạn của khách hàng khác	-	1.288.093.253
Cộng	61.357.845.715	38.412.735.588

Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	4.650.000.000	-
Phải thu của khách hàng dài hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	4.650.000.000
Cộng	4.650.000.000	4.650.000.000

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	69.557.263.701	13.719.409.420
- Công ty TNHH Long Thành Hải	2.889.654.501	1.103.000.000
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Quốc tế LS	14.646.569.049	2.847.391.194
- Công ty TNHH Công nghệ HIKARI	-	198.660.000
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Vĩnh Tân	-	1.332.162.221
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Môi trường Nam An	2.608.000.000	2.608.000.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	49.413.040.151	5.630.196.005
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	69.557.263.701	13.719.409.420

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	18.867.830.290	-	19.432.095.566	-
- Tạm ứng	370.517.707	-	498.470.905	-
- Phải thu khác	18.497.312.583	-	18.933.624.661	-
+ Chi phí tiền nghiên cứu đề tài Thạch cao chưa được quyết toán	18.407.319.340	-	18.407.319.340	-
+ Các khoản phải thu khác	89.993.243	-	526.305.321	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	18.867.830.290	-	19.432.095.566	-

06. Nợ quá hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty TNHH Xây dựng Thăng Lợi Đông Triều	48.863.945	-	48.863.945	-
- Công ty TNHH MTV Hùng Lộc (DNTN Hùng Lộc)	77.477.400	-	77.477.400	-
- Ông Nguyễn Văn Ninh	17.028.000	-	17.028.000	-
- Ông Lê Văn Hưng (Lê Văn Vương)	25.363.800	-	25.363.800	-
- Ông Trần Văn Nhất	7.345.800	-	7.345.800	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	23.175.000	-	23.175.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Kim Nguyên	-	-	816.237.777	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 12	4.650.000.000	-	4.650.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quang Phương	12.598.400	-	12.598.400	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính : VNĐ

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ông Nguyễn Sơn	3.507.200	-	3.507.200	-
- Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Bắc Việt	50.000.000	-	50.000.000	-
- Viện khoa học công nghệ Xây Dựng	275.000.000	-	275.000.000	-
- Công ty TNHH Hồng Thiên Bằng Tường (thuê nhà thầu)	49.759.043	-	49.759.043	-
Cộng	5.240.118.588	-	6.056.356.365	-

07. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	12.955.781.525	-	14.047.826.692	-
- Công cụ, dụng cụ	198.533.943	-	112.785.464	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.893.313.603	-	6.546.213.094	-
- Thành phẩm	5.983.932.240	-	6.259.517.733	-
Cộng	23.031.561.311	-	26.966.342.983	-

08. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	34.831.410.517	19.740.887.268
+ Cải tạo lò	2.381.458.146	607.296.199
+ Dự án hệ thống silo chứa tro bay và xuất hàng tại Vĩnh Tân	20.209.713.106	10.515.693.468
+ Dự án xử lý tro xỉ tại cụm nhiệt điện Vĩnh Tân	900.813.661	116.492.412
+ Dự án nhà mẫu Panel	1.123.692.357	2.114.551.432
+ Các dự án khác	10.215.733.247	6.386.853.757
Cộng	34.831.410.517	19.740.887.268

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	71.092.906.802	154.303.427.997	9.049.169.109	31.000.000	234.476.503.908
- Mua trong kỳ	-	6.499.287.948	941.852.728	54.500.000	7.495.640.676
- Chuyển TSCĐ sang XDCB	-	(2.420.654.991)	-	-	(2.420.654.991)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	71.092.906.802	158.382.060.954	9.991.021.837	85.500.000	239.551.489.593
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	33.132.003.665	77.271.777.230	8.021.353.861	28.666.685	118.453.801.441
- Khấu hao trong kỳ	1.938.548.017	4.747.681.065	114.776.168	5.673.636	6.806.678.886
- Chuyển TSCĐ sang XDCB	-	(922.154.288)	-	-	(922.154.288)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	35.070.551.682	81.097.304.007	8.136.130.029	34.340.321	124.338.326.039
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	37.960.903.137	77.031.650.767	1.027.815.248	2.333.315	116.022.702.467
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	36.022.355.120	77.284.756.947	1.854.891.808	51.159.679	115.213.163.554

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 26.977.817.908 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp tại các Ngân hàng thương mại là 201.378.779.032 đồng và 94.227.378.969 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	6.734.031.852	8.916.018.547	15.650.050.399
- Mua trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	6.734.031.852	8.916.018.547	15.650.050.399
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	1.981.520.234	3.808.802.921	5.790.323.155
- Khấu hao trong kỳ	82.340.316	89.883.024	172.223.340
<i>Số dư cuối kỳ</i>	2.063.860.550	3.898.685.945	5.962.546.495
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	4.752.511.618	5.107.215.626	9.859.727.244
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	4.670.171.302	5.017.332.602	9.687.503.904

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 1.624.876.543 đồng.

11. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	3.246.074.616	3.684.126.461
- Chi phí sửa chữa	449.807.361	561.543.232
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng	739.249.732	328.324.055
- Các khoản khác	2.057.017.523	2.794.259.174
b. Dài hạn	2.740.805.894	2.136.844.752
- Tiền thuê đất	794.157.301	903.113.725
- Chi phí sửa chữa	442.778.150	576.315.154
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng	316.118.917	102.195.305
- Các khoản khác	1.187.751.526	555.220.568
Cộng	5.986.880.510	5.820.971.213

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	74.010.345.728	74.010.345.728	172.779.575.763	155.869.001.301	57.099.771.266	57.099.771.266
- Vay ngân hàng	74.010.345.728	74.010.345.728	172.779.575.763	155.869.001.301	57.099.771.266	57.099.771.266
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương ^(a)	74.010.345.728	74.010.345.728	172.779.575.763	155.869.001.301	57.099.771.266	57.099.771.266
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14.812.696.343	14.812.696.343	14.812.696.343	-	-	-
Trên 5 năm	14.812.696.343	14.812.696.343	14.812.696.343	-	-	-
- Vay ngân hàng	14.812.696.343	14.812.696.343	14.812.696.343	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương ^(b)	14.812.696.343	14.812.696.343	14.812.696.343	-	-	-
Cộng	88.823.042.071	88.823.042.071	187.592.272.106	155.869.001.301	57.099.771.266	57.099.771.266

(a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1605829/HĐTD ngày 20 tháng 04 năm 2023. Hạn mức tín dụng: 90.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất trong kỳ từ 7,7% - 9,5%/ năm. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản trên đất, máy móc thiết bị thuộc dự án và trụ sở chính Công ty, nhà xưởng cơ khí và thiết bị xưởng cơ khí.

(b) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2023/1605829/HĐTD ngày 20 tháng 04 năm 2023. Hạn mức tín dụng: 65.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 84 tháng. Mục đích vay để thanh toán các chi phí hợp lệ, hợp pháp để thực hiện dự án Xây dựng hệ thống kho chứa hàng và xuất hàng tại cảng Vĩnh Tân. Lãi suất trong kỳ từ 10,5% - 11,8%/ năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ dự án bao gồm tiền thuê đất, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, toàn bộ tài sản trên đất, máy móc thiết bị thuộc dự án và trụ sở chính Công ty, nhà xưởng cơ khí và thiết bị xưởng cơ khí.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	39.326.994.495	39.326.994.495	45.667.395.468	45.667.395.468
- Công ty Cổ phần Vạn Thiên An	2.662.898.920	2.662.898.920	1.245.520.160	1.245.520.160
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Lợi Lộc	7.129.222.062	7.129.222.062	4.188.558.874	4.188.558.874
- Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại	571.362.384	571.362.384	845.111.958	845.111.958
- Công ty TNHH Thương mại Hoàng Tiếp	5.904.410.860	5.904.410.860	15.677.542.650	15.677.542.650
- Công ty Cổ phần Trung Kiên Holdings	2.547.461.400	2.547.461.400	3.507.883.416	3.507.883.416
- Công ty TNHH Trịnh Xuân	2.468.453.765	2.468.453.765	2.658.578.112	2.658.578.112
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	-	-	802.677.924	802.677.924
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	18.043.185.104	18.043.185.104	16.741.522.374	16.741.522.374
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	39.326.994.495	39.326.994.495	45.667.395.468	45.667.395.468

Trong đó:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	-	802.677.924	802.677.924
Cộng	-	-	802.677.924	802.677.924

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.926.908.759	4.926.908.759	2.660.385.231	-	2.660.385.231
- Thuế thu nhập cá nhân	-	32.599.003	171.075.022	183.320.491	-	44.844.472
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	108.956.424	108.956.424	-	-
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	28.471.026	-	9.490.342	37.961.368	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	44.280.000	44.280.000	-	-
Cộng	28.471.026	4.959.507.762	5.260.710.547	3.034.903.514	-	2.705.229.703

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	83.756.792	82.394.920
- Trích trước chi phí lãi vay	83.756.792	82.394.920
b. Dài hạn	-	-
Cộng	83.756.792	82.394.920

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	19.159.128.116	19.091.106.868
- Kinh phí công đoàn	135.825.688	66.856.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.023.302.428	19.024.250.428
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	770.926.928	771.874.928
+ Nhận hỗ trợ để tài nghiên cứu khoa học dự án Thạch Cao	18.252.375.500	18.252.375.500
b. Dài hạn	-	-
Cộng	19.159.128.116	19.091.106.868

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	172.788.880.000	4.804.928.341	11.809.905.760	21.977.523.929	211.381.238.030
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	-	15.967.732.226	15.967.732.226
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	1.098.876.200	(19.384.354.000)	(18.285.477.800)
Giảm khác	-	-	-	(174.450.485)	(174.450.485)
Số dư cuối năm trước	172.788.880.000	4.804.928.341	12.908.781.960	18.386.451.670	208.889.041.971
Số dư đầu năm nay	172.788.880.000	4.804.928.341	12.908.781.960	18.386.451.670	208.889.041.971
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lãi/(Lỗ) trong kỳ	-	-	-	18.819.178.246	18.819.178.246
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận ^(a)	-	-	798.386.600	(3.991.933.000)	(3.193.546.400)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	172.788.880.000	4.804.928.341	13.707.168.560	33.213.696.916	224.514.673.817

^(a) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 261/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Kỳ này
- Quỹ đầu tư phát triển	798.386.600
- Quỹ phúc lợi	1.596.773.200
- Quỹ khen thưởng	798.386.600
- Thưởng ban điều hành	798.386.000
- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu ^(b)	13.823.110.400
Tổng phân phối lợi nhuận	17.815.042.800

^(b) Việc chi trả cổ tức được thông qua theo phương án phân phối tại Nghị quyết số 261/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa có quyết định, chưa chốt được danh sách cổ đông và thông báo chi trả cổ tức cho cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
+ Ông Kiều Văn Mát	20.421.917.727	11,8	20.421.917.727	11,8
+ Ông Nguyễn Anh Dũng	10.199.727.586	5,9	10.199.727.586	5,9
+ Bà Kiều Thị Nhung	13.066.295.106	7,6	13.066.295.106	7,6
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	22.130.799.750	12,8	22.130.799.750	12,8
+ Các đối tượng khác	106.970.139.831	61,91	106.970.139.831	61,91
Cộng	172.788.880.000	100	172.788.880.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	172.788.880.000	138.899.730.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	172.788.880.000	138.899.730.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	-	13.889.973.000

(*) Việc chi trả cổ tức này được thông qua theo phương án phân phối tại Nghị quyết số 261/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023, Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 13.823.110.400 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa có quyết định, chưa chốt được danh sách cổ đông và thông báo chi trả cổ tức cho cổ đông.

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.278.888	17.278.888
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.278.888	17.278.888
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.278.888	17.278.888
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.278.888	17.278.888
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.278.888	17.278.888
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	13.707.168.560	12.908.781.960
Cộng	13.707.168.560	12.908.781.960

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	474.764,46	93.317,19

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	214.374.756.036	155.269.161.951
Cộng	214.374.756.036	155.269.161.951

Trong đó

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	3.553.964.924	4.454.191.530

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Giá vốn hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	133.487.253.588	76.006.824.676
Cộng	133.487.253.588	76.006.824.676

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	140.264.912	6.262.335
- Cổ tức từ khoản đầu tư Quỹ TNDN Phả Lại	60.834.500	53.229.900
- Lãi chênh lệch tỷ giá	263.236.521	469.019.351
Cộng	464.335.933	528.511.586

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Lãi tiền vay	2.487.165.230	1.441.303.415
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(266.432.940)	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	432.890.709	97.900.575
Cộng	2.653.622.999	1.539.203.990

05. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Nhận tiền hỗ trợ Covid 19	-	100.659.040
- Thu nhập từ tiền đổi nhật	981.481.799	1.293.320.840
- Các khoản khác	-	3.361.800
Cộng	981.481.799	1.397.341.680

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Chi phí thuê máy xúc phá dỡ xưởng bột	2.017.050	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ, phân bổ CCDC không phục vụ sản xuất kinh doanh	21.792.980	43.506.768
- Chi phí thuê đất và thuế GTGT không được trừ tại nhà máy tro bay	688.291.715	-
- Các khoản khác	500.000	-
Cộng	712.601.745	43.506.768

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	6.220.838.577	5.382.350.361
- Chi phí nhân viên quản lý	3.636.068.722	2.556.957.655
- Chi phí vật liệu quản lý	417.401.694	439.384.906
- Chi phí khấu hao TSCĐ	304.479.870	211.906.236
- Thuế, phí và lệ phí	99.164.955	240.833.526
- Chi phí dự phòng	(816.237.777)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.653.122.076	114.995.792
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	926.839.037	1.818.272.246
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	49.000.169.854	64.838.304.682
- Chi phí nhân viên	1.162.014.152	657.281.888
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.056.574.429	762.233.834
- Chi phí khấu hao TSCĐ	452.793.748	156.554.538
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.993.896.402	63.205.557.800
- Chi phí khác bằng tiền	334.891.123	56.676.622
Cộng	55.221.008.431	70.220.655.043

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	4.926.908.759	1.118.237.677
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.926.908.759	1.118.237.677

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**(*) Chi tiết cách xác định thuế TNDN hiện hành:**

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.746.087.005	9.384.824.740
Các khoản điều chỉnh tăng	969.761.195	295.051.757
<i>Khấu hao TSCĐ do ngừng hoạt động và vượt định mức</i>	<i>111.792.980</i>	<i>133.506.768</i>
<i>Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách</i>	<i>132.000.000</i>	<i>146.000.000</i>
<i>Chi phí thuê đất và thuế GTGT tại nhà máy tro bay</i>	<i>688.291.715</i>	-
<i>Chi phí không được trừ khác</i>	<i>37.676.500</i>	<i>15.544.989</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	81.304.406	53.229.900
<i>Lãi CLTG do đánh giá lại cuối năm của khoản phải thu và TGNH</i>	<i>20.369.906</i>	-
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>60.834.500</i>	<i>53.229.900</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>100.000</i>	-
Thu nhập tính thuế TNDN	24.634.543.794	9.626.646.597
Trong đó:		
1. Thu nhập áp dụng mức thuế suất ưu đãi	-	8.070.916.427
Thuế suất (**)	-	10%
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (i)</i>	-	<i>807.091.643</i>
2. Thu nhập không được áp dụng mức thuế suất ưu đãi	24.634.543.794	1.555.730.170
Thuế suất	20%	20%
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (ii)</i>	<i>4.926.908.759</i>	<i>311.146.034</i>
Thuế TNDN (i)+(ii)	4.926.908.759	1.118.237.677

(**) Công ty được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận khoa học và công nghệ số 01/2014/DNKCNC ngày 15/8/2014 (cho các sản phẩm Tro bay ẩm, Tro bay khô, Than qua tuyển). Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo; được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khai bắt đầu đi vào hoạt động. Năm tài chính 2022 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi thuế.

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	18.819.178.246	8.266.587.063
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.819.178.246	8.266.587.063
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	1.197.579.900
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.278.888	13.889.973
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.089	509

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	18.819.178.246	8.266.587.063
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.819.178.246	8.266.587.063
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	1.197.579.900
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.278.888	13.889.973
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.089	509

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.970.829.480	12.132.696.988
- Chi phí nhân công	17.527.055.033	54.648.571.292
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.957.109.246	6.927.918.664
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.812.822.500	68.101.968.304
- Chi phí khác bằng tiền	4.981.098.044	4.416.324.471
- Chi phí dự phòng	(816.237.777)	-
Cộng	188.432.676.526	146.227.479.719

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Tiền lương	959.771.155	472.092.308
Thù lao	180.000.000	330.000.000
Cộng	1.139.771.155	802.092.308

Chi tiết thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt 6 tháng đầu năm 2023:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
- Ông Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT	240.000.000	36.000.000	276.000.000
- Ông Kiều Văn Cường	Thành viên	-	-	-
- Ông Nguyễn Hồng Quyên	Thành viên	-	36.000.000	36.000.000
- Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	60.000.000	36.000.000	96.000.000
- Ông Nguyễn Ánh Hồng	Thành viên	-	36.000.000	36.000.000
- Ông Kiều Quang Vọng	Thành viên	120.000.000	36.000.000	156.000.000
- Ông Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc	225.576.928	-	225.576.928
- Ông Phạm Văn Thư	Phó Tổng Giám đốc	170.113.461	-	170.113.461
- Ông Trần Văn Hoan	Kế toán trưởng	144.080.766	-	144.080.766
Cộng		959.771.155	180.000.000	1.139.771.155

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các Công ty con, Công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ	Góp vốn kinh doanh
Công ty Cổ phần Bê Tông Vĩnh Tân	Góp vốn kinh doanh
Quỹ tín dụng Phả Lại	Góp vốn kinh doanh

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.553.964.924	4.454.191.530
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	3.553.964.924	4.454.191.530
Nhận tiền cổ tức	60.834.500	53.229.900
- Quỹ tín dụng Phả Lại	60.834.500	53.229.900

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/6/2022
Phải thu khách hàng ngắn hạn	4.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	4.650.000.000	-
Phải thu khách hàng dài hạn	-	4.650.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	4.650.000.000
Cộng nợ phải thu	4.650.000.000	4.650.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	-	802.677.924
Công ty Cổ phần CN Dịch vụ Cao Cường	-	802.677.924
Cộng nợ phải trả	-	802.677.924

03. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Chúng tôi không trình bày báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và trong lãnh thổ Việt Nam.

04. Thông tin về bộ phận**Lĩnh vực kinh doanh:**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là hoạt động sản xuất tro bay, gạch nhẹ và các chế phẩm.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.409.126.308	-	52.907.470.412	-	21.409.126.308	52.907.470.412
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.855.158.298	(5.240.118.588)	57.346.360.249	(6.056.356.365)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	21.992.050.000	(1.801.067.641)	21.991.900.000	(2.067.500.581)	(*)	(*)
Cộng	123.256.334.606	(7.041.186.229)	132.245.730.661	(8.123.856.946)		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	39.326.994.495	45.667.395.468	(*)	(*)
Vay và nợ	88.823.042.071	57.099.771.266	(*)	(*)
Chi phí phải trả	83.756.792	82.394.920	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	32.846.412.828	19.024.250.428	(*)	(*)
Cộng	161.080.206.186	121.873.812.082		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Tại ngày cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	39.326.994.495	-	-	39.326.994.495
Vay và nợ	74.010.345.728	-	14.812.696.343	88.823.042.071
Chi phí phải trả	83.756.792	-	-	83.756.792
Các khoản phải trả khác	32.846.412.828	-	-	32.846.412.828
Cộng	146.267.509.843	-	14.812.696.343	161.080.206.186
Tại ngày đầu năm				
Phải trả cho người bán	45.667.395.468	-	-	45.667.395.468
Vay và nợ	57.099.771.266	-	-	57.099.771.266
Chi phí phải trả	82.394.920	-	-	82.394.920
Các khoản phải trả khác	19.024.250.428	-	-	19.024.250.428
Cộng	121.873.812.082	-	-	121.873.812.082

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km 28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Trong đó, Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại cho phù hợp theo theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Nội dung	Số liệu đã trình bày lại trên BCTC cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	509	595
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	509	595

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Kế toán trưởng

Trần Văn Hoan

Tổng Giám đốc



Nữ Văn Chiến